TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ KUIN** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: **05**/2018/DS-ST Ngày: 05/3/2018 V/v tranh chấp hợp đồng thuê khoán	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Văn Tiến Sĩ.

Ông Trần Dương Điềm.

**** Thư ký phiên toà:*** Bà Trần Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mai Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2018, tại phòng xử án B trụ sở Toà án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2017/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2017 về việc *"Tranh chấp hợp đồng thuê khoán"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Cà phê E.

Địa chỉ: Buôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Công T - Chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty *(Có mặt).*

2. Bị đơn: Ông Y B Êñuôl (tên gọi khác Ma J), sinh năm 1980.

Địa chỉ: Buôn C, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk *(Có mặt).*

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà H Đ Ktla (tên gọi khác Mí J), sinh năm 1981.

Địa chỉ: Buôn C, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk *(Có mặt).*

- Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn 2, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk *(Có đơn xin xét xử vắng mặt).*

- Ông Nguyễn Thành Tr.

Địa chỉ: Thôn 1, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk *(Vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn rút một phần nội dung khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên toà nguyên đơn trình bày như sau:

Công ty TNHH MTV Cà phê E (nguyên đơn, sau đây gọi tắt là công ty) có giấy phép kinh doanh, con dấu, có cơ cấu hoạt động chặt chẽ trong các lĩnh vực trồng, buôn bán đối với các mặt hàng cà phê cũng như nuôi trồng thủy sản nội địa.

Cụ thể: Công ty TNHH MTV Cà phê E được Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho thuê 7.649.491m^2 đất và có nghĩa vụ nộp thuế theo khung giá đất hàng năm. Từ đó công ty thực hiện giao kết hợp đồng nhận khoán với các hộ dân theo hình thức công ty đầu tư 100%, 70%, 30% hoặc người dân và công ty cùng đầu tư, người dân nhận khoán có nghĩa vụ nộp thuế cũng như các khoản công ty đã đầu tư, từ đó công ty có trách nhiệm nộp cho các cơ quan quản lý Nhà nước, Tổng công ty Cà phê V.

Ngày 17/6/2005 và ngày 09/02/2007 ông Y B Êñuôl (bị đơn) ký hợp đồng giao khoán cà phê với công ty diện tích đất 16.849m^2 có cà phê (nguồn gốc hai diện tích đất nêu trên ban đầu công ty ký hợp đồng nhận khoán với ông Nguyễn Thành Tr, Vũ Xuân H, Trần Thị T quá trình nhận khoán các hộ nêu trên chuyển nhượng lại cho ông Y B Êñuôl, sau đó hộ ông Y B có đơn xin bổ sung đất và trực tiếp ký hợp đồng nhận khoán với công ty).

Ngày 08/10/2011 ông Y B Êñuôl và bà H Đ Ktla ký lại hợp đồng giao khoán theo định kỳ với công ty. Theo hợp đồng, phía nguyên đơn giao cho bị đơn diện tích 16.849m^2 (gồm thửa 115, tờ bản đồ số 13 diện tích 1,13ha theo hợp đồng số 71018 và thửa 26, tờ bản đồ số 12 có diện tích 0,55ha theo hợp đồng số 71040) và tài sản gắn liền trên đất theo biên bản bàn giao đất và tài sản ngày 21/5/2008, bị đơn chăm sóc và có nghĩa vụ nộp sản phẩm cho nguyên đơn.

Quyền và nghĩa vụ các bên được quy định cụ thể trong hợp đồng giao khoán ký kết, cụ thể trường hợp hộ của bị đơn công ty đầu tư 100%, phần nghĩa vụ người dân phải nộp theo hợp đồng nhận khoán dựa trên quyết định phê duyệt của Tổng công ty Cà phê V. Cụ thể tại Quyết định số 66/ĐMSP-CT ngày 29/10/2008, số 420/QĐ-HĐTV ngày 21/7/2011, số 293/QĐ-HĐTV ngày 07/7/2016. Tuy nhiên từ năm 2008 đến năm 2016 phía bị đơn vi phạm hợp đồng có những năm nộp thiếu, có những năm không nộp sản.

Ngày 19/6/2015 bị đơn vay nợ tiền vật tư theo hợp đồng 626 và hợp đồng số 345 tổng cộng là 15.040.000đ, đã trả 1.935.000đ, còn nợ lại 13.105.000đ và lãi suất theo hợp đồng.

Nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở, đôn đốc nhưng phía bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ, ngoài ra còn có thái độ chống đối. Vì vậy nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải nộp sản lượng còn thiếu từ năm 2008 đến năm 2016 là 10.577kg cà phê quả tươi, tiền vay vật tư còn lại là 13.105.000đ gốc và 4.112.676đ tiền lãi, hủy hợp đồng giao khoán và thu hồi vườn cây.

Quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc hủy hợp đồng giao khoán và thu hồi vườn cây; tại phiên tòa do bị đơn có hoàn cảnh khó khăn và tạo điều kiện cho bị đơn thực hiện nghĩa vụ nên nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu thanh toán lãi suất tiền vay vật tư; đối với sản phẩm nộp khoán còn nợ lại từ năm 2008 đến 2016 nguyên đơn rút một phần đối với mức thu quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm từ năm 2008 đến năm 2010 là 143kg/ha/năm, từ năm 2011 đến năm 2016 là 81kg/ha/năm. Như vậy yêu cầu hiện nay của nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 9.236kg cà phê quả tươi (sản phẩm nộp khoán còn thiếu của thửa 115, tờ bản đồ số 13 và thửa 26, tờ bản đồ số 12) và 13.105.000đ tiền vay vật tư.

Đối với diện tích tái canh (trồng mới) công ty đầu tư cây giống, phân vi sinh, các phần còn lại các hộ nhận khoán tự đầu tư công ty sẽ thanh toán bằng tiền, đối với hộ ông Y B đã nhận 584 cây giống, còn phân vi sinh chưa nhận thì công ty sẽ thanh toán bằng tiền nhưng do các bên chưa thực hiện đối chiếu nên công ty chưa thể thanh toán; nội dung này các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với việc bị đơn thực hiện trồng dặm cũng như luân canh, tái canh đều có đơn và được sự đồng ý của công ty nên trên những diện tích đó công ty không thu sản phẩm trong những năm kiến thiết cơ bản.

Cụ thể đối với diện tích 1,13ha nợ sản phẩm khoán năm 2013 là 1.051kg, năm 2014 nợ 1.605kg, năm 2015 nợ 645kg, năm 2016 nợ 1439kg, tổng cộng 4.703kg cà phê quả tươi (giảm dần do trồng dặm). Đối với diện tích 0,55ha, năm 2007 nộp thừa 44kg + lãi 7kg = 51kg, nợ sản phẩm năm 2008 là 207kg, năm 2009 nợ 1.251kg, năm 2010 nộp thừa 67kg, năm 2011 nộp thừa 435kg, năm 2012 nợ 694kg, năm 2013 nộp thừa 45kg, năm 2014 nợ 423kg, năm 2015 nợ 1.261kg, năm 2016 nợ 1.244kg, tổng cộng 4.533kg cà phê quả tươi (các mức thu trên đã trừ đi quỹ trợ cấp mất việc làm hàng năm).

Quá trình thực hiện hợp đồng, do sự chuyển biến của thị trường nên công ty có chủ trương cho các hộ dân tự trồng xen canh các cây trồng khác với tỷ lệ cứ 04 hàng cà phê thì trồng xen 01 hàng muồng, nhưng hộ ông Y B đã vi phạm trồng xen mỗi hàng cà phê là một hàng muồng, không đảm bảo cho mật độ phát triển của cây cà phê; công ty đã nhắc nhở cũng như gửi văn bản yêu cầu tự dỡ bỏ các cây vi phạm nhưng hộ ông Y B không thực hiện. Vì vậy, ngày 06/7/2016 công ty đã phối hợp với các lực lượng chức năng phá bỏ 142 cây muồng, trong đó có cả cây chết và cây sống. Sau khi chặt bỏ vẫn để cây tại lô cà phê nhận khoán.

Việc hộ ông Y B cho rằng công ty đã chặt sai và yêu cầu bồi thường mỗi cây muồng là một con bò là không có căn cứ, nguyên đơn không đồng ý.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, đơn phản kháng và tại phiên tòa bị đơn trình bày như sau:

Vợ chồng bị đơn là người đồng bào dân tộc thiểu số nhưng viết, nghe, nói và hiểu tiếng phổ thông không cần người phiên dịch. Quá trình tố tụng bị đơn có khai

một số nội dung, nhưng tại phiên tòa công khai hôm nay đề nghị Tòa án ghi nhận các nội dung trình bày; kể cả nội dung mâu thuẫn với lời khai trong các biên bản trước đây để làm căn cứ xét xử vụ án.

Đối với yêu cầu khởi kiện của công ty, bị đơn xác định:

Tiền vay vật tư của công ty đối với hai hợp đồng còn nợ lại là 13.105.000đ là đúng. Tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu trả gốc, không yêu cầu tính lãi bị đơn không có ý kiến gì và không tranh chấp đối với nội dung này nhưng không đồng ý trả.

Đối với sản phẩm nộp khoán còn nợ từ năm 2008 đến năm 2016 là 10.577kg cà phê quả tươi theo đơn khởi kiện, tại phiên tòa nguyên đơn rút đối với khoản thu trợ cấp mất việc làm buộc bị đơn phải nộp sản còn thiếu là 9.236kg bị đơn không đồng ý. Vì từ năm 2003 đến 2005 bị đơn mua lại lô cà phê của ông H, ông Tr, bà T tổng diện tích khoảng 15.000m^2 đất do những người nêu trên ký hợp đồng giao khoán với công ty, tại thời điểm mua bán trên đất đã có cây cà phê, sau khi mua bị đơn đã nộp sản đầy đủ đến năm 2008, nhưng sau năm 2008 bị đơn không nộp vì cà phê già cỗi, không có sản phẩm thu nên gia đình bị đơn đã phá bỏ cây cũ để trồng mới, cụ thể mỗi năm bao nhiêu diện tích bị đơn không nhớ nhưng tổng cộng khoảng 7.000m^2. Khi thực hiện tái canh bị đơn có báo với công ty để giảm sản lượng nộp còn việc công ty có đồng ý hay không bị đơn không biết, hơn nữa công ty không đầu tư gì mà thu sản phẩm là không đúng pháp luật cũng như quy định của Tổng công ty vì vậy bị đơn không đồng ý nộp sản phẩm còn thiếu cũng như sản phẩm mới phát sinh. Hiện nay bị đơn chưa ký hợp đồng lại với công ty, vẫn là người trực tiếp sử dụng đất và tài sản trên đất.

Đối với sản phẩm các năm bị đơn đã nộp bị đơn không có ý kiến tranh chấp gì, không yêu cầu giải quyết cũng như xem xét lại.

Quá trình luân canh và tái canh bị đơn có nhận của công ty 584 cây cà phê giống nhưng trước khi trồng do để cây giống ngoài trời nên cây đã chết hết, bị đơn đã phải mua lại toàn bộ cây mới, ngoài ra bị đơn không nhận bất kỳ khoản đầu tư nào của công ty. Việc công ty yêu cầu đối chiếu và nhận tiền bị đơn không có ý kiến gì, còn việc có thực hiện hay không bị đơn không biết. Bị đơn chỉ trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với nội dung này.

Tháng 7/2016 công ty cho lực lượng vào chặt 130 cây muồng làm trụ tiêu trồng năm 2013, lý do công ty cho rằng mật độ cây muồng trồng quá dày không đảm bảo cho sự phát triển của cây cà phê, bị đơn không đồng ý với quan điểm này của công ty vì việc trồng cây như thế nào trên đất là quyền của bị đơn, miễn sao bị đơn nộp đủ sản phẩm cho công ty là được. Gia đình bị đơn đã làm đơn gửi đến Công an huyện C yêu cầu giải quyết đối với nội dung nguyên đơn chặt cây nhưng đến nay chưa có kết quả. Trước khi nguyên đơn chặt bỏ cây thì khoảng 16 giờ chiều ngày hôm trước bị đơn có nhận được thông báo của công ty, nhưng đến sáng hôm sau khi đến lô cà phê thì không thấy ai, sau khi về quay lại phát hiện 130 cây muồng đang phát triển bình thường có bám dây tiêu bị chặt không được sự đồng ý của bị đơn. Vì vậy đề nghị công ty phải bồi thường cho bị đơn 01 cây muồng tương ứng với 01 con bò. Quá trình tố tụng bị đơn đã được đại diện Tòa án giải thích về thủ tục yêu cầu bồi thường nêu trên, nhưng bị đơn không đồng ý thực hiện

mà đề nghị Tòa án giải quyết nếu bị đơn phải nộp sản thì công ty phải bồi thường 01 cây tương đương 01 con bò.

Nếu công ty và chính quyền địa phương họp dân trong đó có hộ gia đình bị đơn để nói rõ thời hạn hợp đồng, sản phẩm phải nộp trên diện tích cụ thể nếu được đại đa số các hộ dân đồng ý thì bị đơn mới đồng ý ký lại hợp đồng với công ty, nếu không thì bị đơn không đồng ý ký hợp đồng. Còn việc công ty muốn thu hồi lại đất nhận khoán đó là việc của công ty. Nay công ty không yêu cầu thu hồi vườn cây đó là quyền của công ty bị đơn không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà H Đ Ktla trình bày:

Nhất trí như phần trình bày của bị đơn không bổ sung gì thêm.

- Ông Nguyễn Thành L trình bày:

Ngày 20/01/2007 gia đình ông chuyển nhượng diện tích 5.000m^2 đất cà phê liên kết nhận khoán với Công ty TNHH MTV Cà phê E cho ông Y B Ênuôl, giá trị chuyển nhượng là 100.000.000đ. Việc chuyển nhượng chỉ có hai bên thỏa thuận công ty không biết nội dung này, hiện nay giấy tờ đã bị thất lạc; khi mua bán các bên thống nhất ông Y B tự liên hệ với công ty để sang tên trên hợp đồng. Sau khi thỏa thuận xong ông Long đã giao đất và giấy tờ cho ông Y B, từ đó đến nay giữa các bên không phát sinh tranh chấp gì.

Nay giữa công ty và ông Y B tranh chấp không liên quan đến ông, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin phát biểu như sau:**

Về thủ tục tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của BLTTDS. Tại phiên toà HĐXX, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Đối với người có quyền, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ các điều 227, 228 BLTTDS để xét xử vụ án là phù hợp.

Về nội dung: Áp dụng các điều 305, 428, 432, 438, 501, 506 Bộ luật dân sự năm 2005: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số lượng cà phê quả tươi còn thiếu là 10.577kg (sau khi trừ đi số cà phê tương đương với số tiền phải đóng trợ cấp thất nghiệp) và trả số tiền gốc vay vật tư còn thiếu là 13.105.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HĐXX:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và lời tranh luận của đương sự tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng dân sự" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin theo quy định tại các điều 26, 35, 39 BLTTDS.

[2] Về trình tự thủ tục: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại các buổi làm việc cũng như phiên tòa mặc dù Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng nên HĐXX áp dụng các điều 227, 228 BLTTDS để xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ đúng theo quy định pháp luật, riêng đối với bị đơn vắng mặt trong các buổi làm việc và tại phiên tòa đương sự có mặt không cung cấp chứng cứ gì thêm. Do đó HĐXX sẽ xem xét các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập và đương sự giao nộp có lưu trong hồ sơ vụ án.

[4] Về nội dung:

Ngày 17/6/2005 và ngày 09/02/2007 ông Y B Êñuôl có ký hợp đồng giao khoán với Công ty TNHH MTV Cà phê E diện tích 16.849m^2 (gồm thửa 115, tờ bản đồ số 13 diện tích 1,13ha theo hợp đồng số 71018 và thửa 26, tờ bản đồ số 12 có diện tích 0,55ha theo hợp đồng 71040) và tài sản gắn liền trên đất theo biên bản bàn giao đất và tài sản; bị đơn chăm sóc thu hoạch hoa lợi và có nghĩa vụ nộp sản phẩm cho nguyên đơn. Nhưng phía bị đơn đã vi phạm hợp đồng có những năm nộp thiếu, có những năm không nộp đã xâm phạm đến quyền lợi của nguyên đơn và nghĩa vụ của nguyên đơn với Nhà nước nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu nộp sản lượng cũng như tiền vay vật tư là có căn cứ.

Xét việc nguyên đơn và bị đơn cho rằng tiền vay vật tư là 15.040.000đ, đã trả 1.935.000đ, còn nợ lại 13.105.000đ được các bên thừa nhận không tranh chấp nên ghi nhận về số nợ. Tại phiên tòa bị đơn cho rằng do sản phẩm thu hoạch cà phê sau mỗi năm không đủ chi phí nên không đồng ý trả là không phù hợp mà cần buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả 13.105.000đ cho nguyên đơn. Xét quá trình khởi kiện nguyên đơn yêu cầu trả lãi đối với khoản vay vật tư nhưng tại phiên tòa xin rút đối với nội dung lãi suất là sự tự nguyện nên cần chấp nhận buộc bị đơn trả nợ gốc và đình chỉ đối với yêu cầu lãi suất.

[5] Đối với yêu cầu nộp sản phẩm của công ty từ năm 2008 đến năm 2016 là 9.236kg, bị đơn không đồng ý vì cho rằng bị đơn đã nhổ bỏ khoảng 7.000m^2 diện tích cà phê để trồng mới năm 2016 đến nay cà phê chưa có thu hoạch, hơn nữa công ty không đầu tư cho hộ bị đơn nên bị đơn không đồng ý nộp là không phù hợp. Bởi lẽ, công ty được UBND tỉnh Đắk Lắk giao đất với hình thức cho thuê nộp tiền hàng năm, trên cơ sở đó công ty đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, đường, thủy lợi, cải tạo đất và trồng cây công nghiệp giao cho các hộ dân nhận khoán có trách nhiệm nộp sản theo tỷ lệ đầu tư. Trường hợp hộ bị đơn nhận chuyển nhượng lại vườn cây của bà T, ông Tr, ông H, trước khi chuyển nhượng những người nêu trên đã ký hợp đồng nhận khoán với công ty đồng nghĩa với việc ngay từ ban đầu đã sử dụng được những lợi ích nêu trên, vì vậy không thể nói rằng công ty không đầu tư. Đối với việc hộ bị đơn tái canh cây cà phê công ty có đầu tư 584 cây giống, đồng thời xác định đối với những hạng mục thuộc trách nhiệm công ty đầu tư nhưng hộ dân không nhận vật chất, tự đầu tư thì có thể nhận tiền sau khi đã đối chiếu với công ty, từ đó xác định việc công ty thu sản phẩm là có căn cứ.

Xét quá trình tố tụng bị đơn khai sử dụng đất từ năm 2004, năm 2008 ký hợp

đồng nhưng chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập thì năm 2005 và 2007 ông Y B mới trực tiếp ký hợp đồng với công ty nên không có căn cứ xác định bị đơn sử dụng đất từ năm 2004 và thực hiện nộp sản phẩm cho công ty mà cần tính thời gian nộp sản của diện tích đất 1,13ha từ năm 2007 và diện tích 0,55ha từ năm 2005 nhưng do các bên không tranh chấp về thời gian nộp sản nên không đề cập giải quyết.

Tuy hợp đồng giao nhận khoán của hộ ông Y B Êñuôl đối với diện tích đất 16.849m^2 tại thửa số 26, tờ bản đồ số 12 và thửa số 115, tờ bản đồ số 13 thời hạn thực hiện hợp đồng là 05 năm kể từ ngày 01/01/2011 đến 31/12/2015, hết thời hạn nêu trên các bên sẽ gia hạn hoặc ký kết hợp đồng. Diện tích đất hộ bị đơn đang quản lý sử dụng tuy đã hết thời hạn hợp đồng, phía bị đơn không ký lại hợp đồng với công ty nhưng vẫn thuộc đất của công ty thuê và có nghĩa vụ với Nhà nước nên buộc hộ bị đơn thực hiện nghĩa vụ là phù hợp.

Đối với hợp đồng giao nhận khoán cũng như phương án khoán của hộ ông Y B tại các khoản thu nộp sản cho công ty có mức thu trợ cấp mất việc làm là không phù hợp, bởi lẽ hộ ông Y B không phải là công nhân của công ty nhưng tại phiên tòa nguyên đơn rút đối với nội dung này từ năm 2008 đến năm 2016, bị đơn không có ý kiến gì đối với các khoản đã nộp trước năm 2008; đây là sự tự nguyện của các đương sự nên cần ghi nhận.

Từ những phân tích nêu trên buộc hộ ông Y B có nghĩa vụ nộp sản phẩm còn thiếu từ vụ mùa năm 2008 đến năm 2016 là 9.236kg cà phê quả tươi (sau khi đã trừ quỹ trợ cấp mất việc làm) và 13.105.000đ tiền vay vật tư.

[7] Xét việc bị đơn không hợp tác trong quá trình tố tụng cũng như trong việc xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản nên không xác định được cụ thể độ tuổi, mật độ số lượng cây trồng trên thực tế để xác định bị đơn đã trồng mới bao nhiêu cây trên bao nhiêu diện tích từ đó xác định thời điểm nộp sản phẩm theo quan điểm của bị đơn. Nên căn cứ vào kết quả định giá bằng phương pháp quan sát, phân tích xác định:

Thửa số 26, tờ bản đồ số 12, diện tích 5.486m^2 có: Cà phê phục hồi năm 1992 khoảng 601 cây; tiêu bám trụ sống 579 cây (trong đó trồng 2014 là 200 cây, 2015 là 40 cây, 2016 là 200 cây, 2017 là 139 cây; Muồng trồng làm trụ tiêu năm 1992 10 cây, trồng năm 2014 20 cây, trồng 2015 40 cây, trồng 2016 200 cây, trồng 2017 89 cây; Cây lồng mức trồng năm 2015 20 cây; Cây gòn trồng năm 2016 39 cây.

Thửa số 115, tờ bản đồ số 13, diện tích 11.361m^2 có: Cà phê trồng năm 1995 369 cây, cà phê xây dựng cơ bản trồng năm 2015 939 cây; Cây muồng trồng năm 2015 khoảng 1000 cây có bám dây tiêu trồng 2016.

Như vậy phù hợp với diện tích trồng dặm, tái canh, luân canh theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp.

Xét việc bị đơn xác định nguyên đơn đã chặt 130 cây muồng làm trụ tiêu trồng năm 2013 và yêu cầu bồi thường mỗi trụ tương đương 01 con bò là không phù hợp bởi lẽ: Bị đơn không thực hiện các thủ tục khởi kiện và đóng tạm ứng án phí theo quy định pháp luật; hơn nữa theo hợp đồng giao khoán, phương án khoán

quy định mật độ cây trồng, tuy công ty có chủ trương cho trồng xen cây công nghiệp khác và phải đảm bảo mật độ nhưng phía bị đơn vi phạm, công ty đã nhắc nhở, thông báo cũng như lập biên bản (BL163-168), nhưng phía bị đơn không thực hiện nên ngày 06/7/2016 công ty mới tiến hành chặt bỏ 142 cây muồng trồng sai quy định là phù hợp nên không chấp nhận việc bị đơn yêu cầu bồi thường mỗi trụ cây muồng tương đương 01 con bò.

Căn cứ công văn số 65/NNPTNT ngày 12/12/2017 của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện C xác định tài sản không còn trên thực tế nên không đủ cơ sở xác định giá trị tài sản tranh chấp.

[8] Xét quá trình tố tụng nguyên đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với nội dung hủy hợp đồng giao khoán là tự nguyên nên Tòa án đã đình chỉ một phần đối với nội dung này là phù hợp. Vì vậy HĐXX không xem xét tài sản trên đất cũng như có hay không việc tiếp tục ký hợp đồng nhận khoán cũng như thu hồi vườn cây.

Đối với giá cà phê quả tươi tại thị trường Đắk Lắk tại thời điểm xét xử vụ án là 8.400đ/1kg, được xem xét để tính án phí.

[9] Đối với chi phí định giá: Do không tiến hành định giá được nên các bên không phải nộp chi phí.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp là 11.344.000đ.

Bị đơn và người liên quan bà H Đ Ktla phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 4.534.370đ (trong đó tiền vay vật tư: 13.105.000đ x 5% = 655.250đ; nợ sản phẩm là 9.236kg x 8.400đ/1kg cà phê quả tươi = 77.582.400đ x 5% = 3.879.120đ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 266 BLTTDS;

Căn cứ Điều 688 BLDS năm 2015; các điều 305, 428, 432, 438, 501, 502, 506 và 688 BLDS năm 2005; Luật đất đai 2003, 2013.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Cà phê E.

- Buộc bị đơn ông Y B Êñuôl và người liên quan bà H Đ Ktla trả số tiền gốc vay vật tư là 13.105.000đ *(mười ba triệu, một trăm lẻ năm nghìn đồng)* và phải nộp sản lượng cà phê quả tươi còn thiếu từ năm 2008 đến năm 2016 cho nguyên đơn Công ty TNHH MTV Cà phê E là 9.236kg *(chín nghìn hai trăm ba mươi sáu kilôgam)*.

- Đình chỉ yêu cầu đối với lãi suất tiền vay vật tư của nguyên đơn.

- Không chấp nhận yêu cầu bồi thường 130 cây muồng của bị đơn ông Y Blem Êñuôl và người liên quan bà H Đ Ktla.

[2] Về án phí:

Nguyên đơn Công ty TNHH MTV Cà phê E được nhận lại 11.344.000đ *(mười một triệu, ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo biên lai thu tiền số AA/2014/0043542 ngày 13/3/2017.

Bị đơn ông Y B Êñuôl và người liên quan bà H Đ Ktla có nghĩa vụ nôp 4.534.370đ *(bốn triệu, năm trăm ba mươi bốn nghìn, ba trăm bảy mươi đồng)* án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- CCTHADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ HỒNG THANH